TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HS-ST
Ngày: 28/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hải Đường.

2. Bà Vũ Thị Hằng.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đinh Văn Khuyến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Ngô Thị Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2019/TLST- HS ngày 08 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST- HS ngày 20 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Công T,** sinh năm: 1972; nơi ĐKHKTT: Khu 3, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công Q, sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1946; có vợ là Lê Thị T1, sinh năm 1978 (hiện đang đi lao động tại Nhật Bản) và 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/9/2018; hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo T:* Ông Vũ Văn Ngh - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH H - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

* *Bị hại:* Anh Vũ Quốc Tr, sinh năm 1971; trú tại: Số 45 đường R, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Quang T2, sinh năm 1969; trú tại: Số 189B, đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

** Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1946; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Công H, sinh năm 1978; có mặt.

Đều trú tại: khu 3, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

3. Chị Nguyễn Hải A, sinh năm 1993; trú tại: khu 1, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Công T, sinh năm 1972 trú tại khu 3 phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh làm nghề kinh doanh mua bán máy khâu cũ. Thông qua các mối quan hệ xã hội, T có quen biết với anh Vũ Quốc Tr, sinh năm 1971 ở số 45 đường R, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Trong quá trình kinh doanh, từ ngày 04/5/2015 đến tháng 8/2015, T đã nhiều lần vay tiền của anh Tr, các lần vay tiền T đều viết "Giấy mượn tiền". Nội dung trong các "Giấy mượn tiền" mà anh Tr giao nộp như sau:

- Ngày 04/5/2015, T mượn của anh Tr 50.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 13/5/2015;

- Ngày 08/6/2015, T mượn của anh Tr 20.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 18/6/2015;

- Ngày 13/8/2015, T mượn của anh Tr 100.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 13/9/2015;

- Ngày 17/8/2015, T mượn của anh Tr 50.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 17/9/2015;

- Ngày 26/8/2015, T mượn của anh Tr 50.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 26/9/2015;

- Ngày 28/8/2015, T mượn của anh Tr 50.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 06/9/2015. Trong giấy mượn tiền này, tại dòng 11, 12, 13 có dòng chữ "ngày 30-8-2015, T lấy thêm 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng chẵn)".

Tổng số tiền mà T vay của anh Tr trên 06 giấy mượn tiền nêu trên là 520.000.000 đồng.

Sau khi vay tiền của anh Tr, T sử dụng tiền vào việc kinh doanh buôn bán máy khâu nhưng do làm ăn thua lỗ nên đến hạn trả nợ T không có tiền trả. Tháng 9/2015, T bỏ nhà đi khỏi địa phương mục đích để không phải trả nợ anh Tr số tiền trên. Trong thời gian bỏ trốn, T đã nhiều lần xuất cảnh sang Campuchia qua cửa khẩu Mộc Bài, sau đó T về Việt Nam nhưng không đăng ký tạm trú ở bất kỳ địa phương nào, mỗi nơi T chỉ ở thời gian ngắn mục đích để trốn nợ. Đến ngày 18/9/2018, sau khi biết đang bị Cơ quan điều tra truy nã, T đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Nam Định đầu thú. Sau đó, Công an tỉnh Nam Định đã bàn giao T cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh để giải quyết.

Tại bản Kết luận giám định số 38/GĐ-PC54 ngày 10/3/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Ninh kết luận:

"- Chữ ký và chữ viết dưới mục "Người mượn tiền" trên 06 "Giấy mượn tiền" đứng tên Nguyễn Công T tài liệu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A6) so với chữ ký và chữ viết của Nguyễn Công T trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M4) do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ viết trên 06 "Giấy mượn tiền" tài liệu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A5, trừ các dòng 11; 12; 13 (Ký hiệu A6) so với chữ viết của Nguyễn Công T trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M4) do cùng một người viết ra.

- Chữ viết tại dòng 11; 12; 13 trên "Giấy mượn tiền" tài liệu cần giám định (Ký hiệu A6) so với chữ viết trên 02 "Bản tự khai" của Vũ Quốc Tr tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M5; M6) do cùng một người viết ra."

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKSBN-P3 ngày 05/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Công T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Công T khai: T vay tiền của anh Tr với mục đích kinh doanh máy khâu nhưng do làm ăn thua lỗ đã không có tiền trả anh Tr đúng hạn. Sau đó, cuối năm 2015, T bỏ đi khỏi địa phương, quá trình này T cư trú tại nhiều nơi, có lần sang cả Campuchia, T không đăng ký thường trú và tạm trú ở bất kỳ đâu và mất liên lạc với gia đình. Đến tháng 8/2018 trở về Nam Định làm việc, ngày 18/9/2018 liên lạc về gia đình thì biết đang bị truy nã nên ra cơ quan Công an đầu thú. Các giấy mượn tiền đều do T viết, riêng chỉ có dòng chữ tại giấy vay tiền ngày 28/8/2015: "Ngày 30/8/2015 lấy thêm 200 triệu đồng" là do anh Tr viết thêm, T không vay số tiền này. Ngoài ra, tại giấy vay tiền ngày 26/8/2015 vay 50 triệu đồng là có 30 triệu đồng tiền gốc và 20 triệu đồng tiền lãi; giấy vay tiền ngày 28/8/2015 vay 50 triệu đồng là tiền lãi của các lần vay trước. Hai bên thỏa thuận lãi suất

vay là 4.000đ/1 triệu/1 ngày. Hai giấy vay tiền ngày 04/5/2015 và 08/6/2015 tổng số tiền là 70 triệu đồng T đã trả đủ cả lãi và gốc. Thực tế bị cáo chỉ còn nợ anh Tr 250 triệu đồng, trong đó có 180 triệu đồng tiền nợ gốc và 70 triệu đồng tiền lãi. Tuy nhiên, bị cáo không có căn cứ gì chứng minh nên bị cáo thừa nhận cáo trạng quy kết bị cáo chiếm đoạt 320.000.000 đồng là đúng.

Trong quá trình điều tra, bị hại là anh Vũ Quốc Tr trình bày: Năm 2015, Nguyễn Công T có vay của anh 07 lần tổng cộng là 520 triệu đồng và thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Trong đó lần cuối cùng T vay 200 triệu đồng thì anh Tr viết trực tiếp vào giấy vay tiền ngày 28/8/2015. Đến ngày hẹn trả thì T đã bỏ trốn khỏi địa phương, anh Tr hỏi các nơi quen biết của T, không ai biết T đi đâu, làm gì, điện thoại của T thường dùng không liên lạc được. Đề nghị T trả lại anh Tr toàn bộ số tiền gốc, lãi theo thỏa thuận và xử lý bị cáo theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, trước khi xét xử sơ thẩm anh trai của bị cáo T đã trả 320.000.000 đồng cho anh Tr nên anh Tr đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T và anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Quang T2 (là anh trai bị cáo) trình bày: Bị cáo có tác động về gia đình để bồi thường số tiền bị cáo đã chiếm đoạt cho bị hại. Trước khi xét xử sơ thẩm, anh đã bồi thường thay cho bị cáo toàn bộ số tiền 320.000.000 đồng cho người bị hại. Anh không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đã đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b; s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công T từ 3 năm 6 tháng tù đến 4 năm 6 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Do các bên đã tự giải quyết xong nên không đề cập giải quyết.

Bào chữa cho bị cáo T, Luật sư Vũ Văn Ngh trình bày: Nhất trí với tội danh và khung hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đã luận tội. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét khách quan, toàn diện về động cơ, mục đích và hoàn cảnh của bị cáo. Đồng thời, Luật sư đề nghị HĐXX áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS và áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo mức án phù hợp.

Bị cáo Nguyễn Công T nhất trí với lời bào chữa của Luật sư, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối đáp với Luật sư bào chữa cho bị cáo, đại diện Viện kiểm sát không nhất trí áp dụng điểm i, x khoản 1 Điều 51 BLHS bởi lẽ, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, bố mẹ bị cáo là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến nên không thỏa mãn điều kiện áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, x khoản 1 Điều 51 BLHS . Do vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm luận tội đối với bị cáo Nguyễn Công T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Công T khai đối với 02 giấy mượn tiền ngày 04/5/2015 và ngày 08/6/2015 với tổng số tiền là 70 triệu đồng, T đã trả đủ anh Tr cả gốc và lãi, tuy nhiên bị cáo không có căn cứ gì chứng minh lời trình bày của bị cáo là đúng, anh Tr không thừa nhận bị cáo đã trả anh Tr khoản tiền này nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bị cáo.

Đối với số tiền 200 triệu đồng do anh Tr ghi thêm vào giấy mượn tiền ngày 28/8/2015, do T không thừa nhận đã vay của anh Tr 200 triệu đồng này. Kết quả giám định là chữ viết của anh Tr nên không có căn cứ xác định T đã vay của anh Tr 200 triệu đồng như anh Tr trình bày.

Đối với số tiền T cho rằng tại 02 giấy mượn tiền ngày 26/8/2015 và ngày 28/8/2015 với tổng số tiền là 100 triệu đồng, trong đó có 70 triệu đồng là tiền lãi của các lần vay trước viết gộp lại. Tuy nhiên, anh Tr không thừa nhận lời trình bày của T nên không có căn cứ chứng minh 70 triệu đồng là tiền lãi như bị cáo trình bày.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay; căn cứ vào kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 04/5/2015 đến ngày 28/8/2015, Nguyễn Công T đã có hành vi vay của anh Vũ Quốc Tr tổng số tiền là 320.000.000 đồng với mục đích để kinh doanh máy khâu. Sau đó, do làm ăn thua lỗ không có tiền trả cho anh Tr nên T đã bỏ trốn khỏi địa phương mục đích để anh Tr không đòi được tiền của bị cáo. Cơ quan điều tra đã ra lệnh truy nã đối với T. Đến ngày 18/9/2018, T đến cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, có đủ căn cứ để xét xử bị cáo Nguyễn Công T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, theo

quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 thì quy định này có lợi hơn so với quy định tại khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 nên HĐXX áp dụng quy định có lợi đối với bị cáo theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 như Cáo trạng truy tố là phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo T, HĐXX nhận thấy:

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của cá nhân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an tại địa phương. Hành vi đó phải bị xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì thấy: Về tình tiết tăng nặng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả trả lại cho anh Tr 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng), quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; Bị cáo sau khi bỏ trốn khỏi địa phương đã đến cơ quan Công an đầu thú, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có bố, mẹ đẻ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét áp dụng khi lượng hình. Tại phiên tòa hôm nay, luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX áp dụng thêm cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, x khoản 1 Điều 51 BLHS là không phù hợp nên không được chấp nhận như đại diện Viện kiểm sát đã đối đáp.

HĐXX xét thấy, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do vậy, cần áp dụng Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo, tu dưỡng, rèn luyện sớm được trở về hòa nhập với cộng đồng, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Trước khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tác động gia đình, trực tiếp là anh Nguyễn Quang T2 (anh trai bị cáo) đứng ra trả hết số tiền bị cáo T đã chiếm đoạt là 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng). Anh Tr

có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Công T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 7; khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 136; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T 42 (Bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (19/9/2018).

Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Công T 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Công T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- CQCSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10 Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo; người bào chữa; bị hại; đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Hòa